

Số: 1914/HD-SNN

Tuyên Quang, ngày 05 tháng 12 năm 2019

HƯỚNG DẪN
Kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch chè

Căn cứ Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Hướng dẫn số 1566/HDLN-KH&ĐT-TC-NN&PTNT-TNMT - XD ngày 28/10/2019 của liên ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang về việc thực hiện Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ tài liệu Giống cây trồng và Quy trình kỹ thuật mới - Giống cây công nghiệp của Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam; tài liệu Sổ tay kỹ thuật trồng, chăm sóc và chế biến chè miền Bắc của Bộ Nông nghiệp và PTNT và điều kiện khí hậu, thời tiết, đất đai, tập quán canh tác của nhân dân trong tỉnh và thực trạng sản xuất chè hiện nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch chè cụ thể như sau:

1. Yêu cầu đất trồng chè

- Đất có độ dày tầng canh tác từ 1m trở lên, kết cấu tơi xốp.
- Độ pH từ 4 - 6; tỷ lệ mùn tổng số > 2%.
- Độ dốc bình quân < 25⁰.

2. Làm đất trồng chè

- Đối với những nương chè trồng lại: Trước khi làm đất phải đào, đánh gốc chè cũ và dọn sạch gốc chè trên nương mới tiến hành làm đất.

- Cày toàn bộ bề mặt nương chè, sâu từ 20 cm - 25 cm, sau đó san phẳng bề mặt nương và rạch luống để trồng chè. Trường hợp không cày toàn bộ bề mặt nương chè phải đào rạch trồng, rạch rộng từ 50 cm - 60 cm, sâu từ 40 cm - 45 cm; đào xong lấp đất mặt xuống dưới, lấp đất cái lên trên cách mặt đất từ 5 cm - 10 cm.

- Làm đất vào những tháng ít mưa để hạn chế xói mòn, cụ thể từng loại đất:
- + Đất nhiều mùn, làm đất từ tháng 9 đến tháng 11, làm đất xong trồng ngay.
- + Đất xấu, làm đất từ tháng 11 năm trước đến tháng 3 năm sau, để kịp gieo cây phân xanh cải tạo đất trước 30/3.

3. Giống chè

- Sử dụng các loại giống:
- + Các giống chè lai, chè nhập nội năng suất, chất lượng cao: PH1, PH8, PH11, LDP1, LDP2, Bát Tiên, Ngọc Thúy.
- + Các giống chè đặc sản: Kim Tuyên, Phúc Vân Tiên, Đại Bạch Trà.

Tùy nhu cầu chế biến để lựa chọn trồng giống phù hợp chế biến chè đen trồng các giống: PH1, PH11, LDP2; dùng chế biến chè xanh trồng các giống: LDP1, PH8, Bát Tiên, Kim Tuyên, Phúc Vân Tiên, Ngọc Thúy, Đại Bạch Trà.

- Tiêu chuẩn cây chè giống: Cây giống được sản xuất bằng phương pháp giâm cành. Cây sinh trưởng trong vườn ươm từ 8 - 12 tháng tuổi. Cây cao từ 20 cm trở lên, có 6 - 8 lá thật, đường kính cây sát gốc từ 4 - 5 mm trở lên, vỏ phía gốc màu đỏ nâu, phía ngọn xanh thẫm. Lá chè to, dày, xanh đậm, bóng láng, không có nụ hoa, sạch sâu bệnh.

4. Thời vụ trồng chè

- Vụ đông xuân: Trồng từ tháng 01 đến tháng 3.
- Vụ hè thu: Trồng từ tháng 8 đến tháng 9 khi đất đủ ẩm.

5. Trồng cây phân xanh, cây che bóng

- Gieo cây phân xanh bằng cây họ đậu (cây cốt khí...) gieo giữa 2 hàng chè. Thời vụ gieo từ tháng 01 đến tháng 4, gieo ngay sau khi làm đất xong.
- Trồng cây bóng mát họ đậu, thân gỗ tán thưa, rộng (các loại muồng, cốt khí); mật độ 150 – 250 cây/ha, trồng bằng cây bầu ươm.

6. Kỹ thuật trồng chè

6.1. Khoảng cách, mật độ

Căn cứ vào giống chè và độ dốc bình quân của nương chè để bố trí khoảng cách trồng, mật độ trồng phù hợp.

- Nương chè có độ dốc $> 15^{\circ}$ hàng cách hàng từ 1,4 m - 1,5 m; cây cách cây từ 0,4 - 0,5 m; tương đương với mật độ từ 13.333 cây - 17.857 cây/ha.

- Nương chè có độ dốc $< 15^{\circ}$ hàng cách hàng từ 1,2 m - 1,3 m; cây cách cây từ 0,3 - 0,4 m; tương đương với mật độ từ 19.230 cây - 27.777 cây/ha.

* **Lưu ý:** Khi trồng cần chuẩn bị dự phòng 10% số cây giống để trồng dặm.

6.2. Bón phân lót: Sau khi đào rạch xong, bón lót mỗi ha từ 30 tấn - 40 tấn phân hữu cơ và 700 kg phân lân. Trộn đều phân vào đất trong rạch trồng.

6.3. Cách đặt bầu chè: Sau khi bóc bỏ túi bầu, giữ cho bầu đất không vỡ, đặt bầu vào rạch theo đúng khoảng cách trồng, lấp đất từ ngoài vào trong, nén đất đều xung quanh bầu, nén từ ngoài vào tránh làm đứt rễ chè, lấp phủ lớp đất tơi trên vết cắt hom chè từ 1 cm - 2 cm, đặt cây theo hướng xuôi theo chiều gió chính, trồng xong tủ cỏ, rác theo hàng để giữ ẩm cho chè.

7. Chăm sóc

7.1. Giặm chè

- Lượng cây trồng giặm: 10 % số cây đã trồng (đ- ọc dự trữ tr- ớc).
- Kích th- ớc hố : 30 x 30 x 30 cm.
- Phân bón: 1 kg phân chuồng hoai/hố.
- Cách trồng: đặt bầu cây, lấp đất, lèn chặt, phủ đất mỏng lên trên, tủ gốc bằng cỏ rác.
- Thời vụ trồng giặm: Tháng 8 - 9 và tháng 2 - 3, chọn ngày râm mát, đất đủ ẩm để trồng. Chè kiến thiết cơ bản tuổi 2 - 3 có thể trồng dặm bằng bầu to.

7.2. Bón phân hàng năm

a) Bón phân hữu cơ

- Lượng phân: Hàng năm bón bổ sung từ 15 tấn - 20 tấn phân hữu cơ/ha kết hợp với lấp ép xanh cành lá chè. Bón từ giữa tháng 12 đến tháng 01 năm sau.
- Cách bón: Sau khi đốn, cày rạch giữa hàng, rải phân hữu cơ, lấp kín cành chè vừa đốn lên trên sau đó lấp đất.

b) Bón phân vô cơ

- Đối với chè kiến thiết cơ bản (sau trồng từ 01 đến 2 năm):

Loại chè	Loại phân	Lượng phân (kg/ha)	Số lần bón	Thời gian bón (vào tháng)	Phương pháp bón
Chè năm thứ nhất	Đạm Urê	100	2	2-3 và 6-7	Cách bón: Rạch rãnh cách gốc chè từ 25 - 30 cm, sâu từ 6 - 8 cm, phân trộn đều bón vào rạch rồi lấp đất kín phân.
	Phân lân	180	1	2-3	
	Kali	60	1	2-3	
Chè năm thứ hai	Đạm Urê	170	2	2-3 và 6-8	Cách bón như chè năm 1. Nhưng bón cách gốc chè từ 30 - 40 cm.
	Phân lân	350	1	2-3	
	Kali	100	2	2-3 và 6-7	

- Đối với chè kinh doanh (sau trồng từ năm thứ ba trở đi):

Năng suất búp tạ/ha	Loại phân	Lượng phân (kg/ha)	Số lần bón	Thời gian bón (vào tháng)	Phương pháp bón
Năng suất dưới 60 tạ/ha	Đạm Urê	210-250	4	2; 4; 6; 8	- Cách bón: như chè năm thứ 2 - Lượng bón: Đạm chia 4 lần: 40%, 20%, 30%, và 10%; kali chia 2 lần: 60% và 40%.
	Phân lân	240-350	1	2	
	Kali	100-130	2	2; 4	
Năng suất từ 60 tạ đến dưới 80 tạ/ha	Đạm Urê	260-380	4	2; 4; 6; 8	- Cách bón: như chè năm thứ 2 - Lượng bón: Chia tỷ lệ phân bón giống chè có năng suất dưới 60 tạ/ha
	Phân lân	360-590	1	2	
	Kali	135-200	2	2; 4	
Năng suất từ 80 tạ/ha đến dưới 120 tạ/ha	Đạm Urê	390-640	4	2; 4; 6; 8	- Cách bón: như chè năm thứ 2 - Lượng bón: Chia tỷ lệ phân bón giống chè có năng suất dưới 60 tạ/ha
	Phân lân	600-950	1	2	
	Kali	205-330	2	2; 4	
Năng suất từ 120 tạ /ha trở lên	Đạm Urê	650 -1.300	4	2; 5; 7; 9	- Cách bón: như chè năm thứ 2 - Lượng bón: Đạm chia 4 lần: 40%, 20%, 30%, và 10%; kali chia 3 lần: 60%, 30% và 10%.
	Phân lân	960 -1.200	1	2	
	Kali	335 -500	3	2; 5; 9	

Ngoài lượng phân hữu cơ và phân vô cơ, hàng năm cần bón (hoặc phun) bổ sung phân có chứa, trung, vi lượng (Magiê, Kẽm, Bo, Molipđen) nhằm tăng năng suất và phẩm chất cho chè.

7.4. Phòng trừ cỏ dại

Thường xuyên giữ cho nương chè sạch cỏ quanh năm.

- Vụ đông xuân: Xới trắng cỏ toàn bộ diện tích (chè mới trồng năm thứ nhất nhổ cỏ trong góc chè để bảo vệ cây chè).

- Vụ hè thu: Xới cỏ giữa các hàng kết hợp đào gốc cây dại. Chè được tủ cỏ, rác kín gốc sẽ hạn chế cỏ dại và giữ ẩm tốt cho chè.

8. Phòng trừ sâu bệnh hại chè

8.1. Đối tượng sâu bệnh hại

- Thường xuyên kiểm tra phát hiện sâu bệnh sớm để tập trung phòng trừ. Khuyến khích áp dụng các biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp (IPM) để hiệu quả phòng trừ bền vững, ít ảnh hưởng đến môi trường sinh thái.

- Chú ý thời điểm phát sinh gây hại của một số đối tượng sâu, bệnh hại chính trên cây chè:

+ Rầy xanh: Gây hại quanh năm trên nương chè, nhưng hại nặng nhất từ tháng 3 đến tháng 5 và từ tháng 10 đến tháng 11.

+ Bọ trĩ (bọ cánh tơ): Gây hại từ tháng 6 đến tháng 9 (đặc biệt gây hại nặng trong các tháng 7, 8).

+ Bọ xít muỗi: Gây hại nặng vào tháng 7, tháng 8 và tháng 11.

+ Nhện đỏ: Thường xuất hiện gây hại ở các thời điểm từ tháng 2 đến tháng 5 và từ tháng 9 đến tháng 11.

+ Bệnh phòng lá: Do nấm *Exobasidium vexans* gây ra, thường phát sinh mạnh vào các thời điểm từ tháng 3 đến tháng 5 và từ tháng 9 đến tháng 10.

+ Bệnh thối búp chè: Do nấm gây hại, bệnh thường gây hại nhiều trong các tháng mùa mưa từ tháng 5-10, ít gây hại trong mùa khô.

+ Bệnh chám xám: Do nấm gây hại, bệnh gây chết chủ yếu ở chè già với tốc độ lây lan nhanh (chết loang). Thời gian từ khi cây nhiễm bệnh đến chết từ 10-15 tháng. Bệnh tập trung vào mùa mưa, trong năm bệnh hại nặng từ tháng 5-10.

+ Bệnh chết loang: Do nấm gây hại hiện tượng chè chết hàng loạt thường xảy ra từ tháng 4-11.

+ Bệnh khô cành: Bệnh thường phát sinh vào mùa hè, nhiệt độ cao, không khí khô; mùa đông bệnh giảm.

8.2. Biện pháp phòng trừ

a) Biện pháp canh tác, sinh học

- Cày bừa diệt cỏ vệ sinh nương chè, lấp đất diệt nhộng, diệt mầm bệnh, bón phân hợp lý, thay đổi thời kỳ đốn, hái san lúa, san chặt để loại bỏ trứng sâu, mầm bệnh.

- Trên nương chè phải có cơ cấu cây trồng: Cây chè, cây phân xanh, cây bóng mát với mật độ phù hợp, tạo độ ẩm thích hợp trên nương chè. Hạn chế sử dụng thuốc hoá học ở mức thấp nhất để duy trì tập đoàn thiên địch có ích, cân bằng sinh thái trên nương chè.

b) Biện pháp hoá học

- Phun thuốc theo kết quả điều tra dự tính, dự báo, khi có sâu non hoặc nương chè mới bị bệnh. Chỉ được dùng những loại thuốc được Bộ Nông nghiệp và PTNT cho phép sử dụng trên cây chè, ưu tiên sử dụng thuốc có nguồn gốc sinh học và đảm bảo thời gian cách ly theo đúng hướng dẫn của từng loại thuốc khi thu hoạch.

- Phun thuốc theo nguyên tắc 4 đúng trong sử dụng thuốc bảo vệ thực vật bao gồm: Đúng thuốc, đúng liều lượng, đúng thời điểm và đúng phương pháp.

9. Đốn chè

9.1. Thời vụ đốn: Từ giữa tháng 12 đến hết tháng 01 năm sau. Chú ý khi đốn chè phải tránh các đợt sương muối.

9.2. Cách đốn: *Tùy theo tuổi chè mà có cách đốn phù hợp.*

- Đốn tạo hình (đối với chè từ 1- tuổi 2): Khi nương chè có 70% số cây cao từ 65 cm - 70 cm, đường kính gốc từ 1 cm trở lên, đốn thân chính cách mặt đất từ 30 cm đến 35 cm, đốn cành tán cách mặt đất từ 40 cm - 45 cm.

- Đốn phớt đối với nương chè kinh doanh những năm đầu: Hai năm đầu, mỗi năm đốn trên vết đốn cũ 5 cm, mỗi năm sau đó đốn cao thêm 3 cm, khi vết đốn cuối cùng cao 70 cm so với mặt đất thì hàng năm chỉ đốn cao thêm 1 cm so với vết đốn cũ.

- Đốn lửng: Đối với những nương chè kinh doanh đốn phớt nhiều năm, có chiều cao trên 90 cm so với mặt đất, chè nhiều cành tăm hương, u biểu, búp nhỏ, năng suất giảm thì đốn cách mặt đất từ 60 cm - 65 cm, hoặc nương chè năng suất khá nhưng cây cao quá cũng đốn lửng cách mặt đất từ 70 cm - 75 cm để thuận tiện cho việc thu hoạch.

- Đốn đau: Những nương chè đốn lửng nhiều năm, cành nhiều u, sinh trưởng kém, năng suất giảm rõ rệt thì đốn đau cách mặt đất từ 40 - 45 cm.

- Đốn trẻ lại: Những nương chè già, cần cỗi đã được đốn đau nhiều lần năng suất giảm nghiêm trọng thì đốn trẻ lại cách mặt đất từ 10 - 15 cm.

10. Tưới chè

- Tùy theo điều kiện canh tác những nơi có điều kiện về nguồn nước, khả năng đầu tư thì có thể tiến hành tưới cho chè khi độ ẩm đất dưới 60% (vào các tháng hạn, từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau và những thời điểm quá 15 ngày không có mưa).

- Lựa chọn các phương pháp tưới phù hợp với điều kiện canh tác; sử dụng phương pháp tưới phun mưa bề mặt với vòi tưới di động hoặc cố định...cho hiệu quả cao.

11. Thu hái và bảo quản chè

a) Thu hái

- *Kỹ thuật thu hái chè bằng tay:* Tùy thuộc vào điều kiện thời tiết khí hậu, tình hình sinh trưởng và phát triển của cây chè, tùy từng thời vụ khác nhau mà áp dụng kỹ thuật thu hái cho hợp lý theo thời vụ. Kỹ thuật thu hái cụ thể như sau:

+ Vụ xuân tháng 3, tháng 4: Chú ý hái tạo tán cho cây chè. Hái búp chè có 1 tôm + 2-3 lá non. Chừa lại 2 lá thật và 1 lá cá. Những búp chè vượt cao hơn mặt tán thì hái ép sát lá cá.

+ Vụ hè thu tháng 5 đến tháng 10: Hái búp chè có 1 tôm + 2-3 lá non. Chừa lại 1 lá thật và 1 lá cá. Những búp chè vượt cao hơn mặt tán thì hái ép sát lá cá.

+ Vụ thu đông tháng 11, tháng 12: Lúc này chè cuối vụ, do điều kiện bất thuận của thời tiết búp chè phát triển kém cần hái tận thu. Tháng 11 hái búp chè 1 tôm + 2-3-4 lá, chừa lại 1 lá cá. Tháng 12 hái búp chè cả lá cá.

Quan sát trên nương chè có 30% số búp đủ tiêu chuẩn thì thu hái. Hái san lưã.

- *Kỹ thuật hái chè bằng máy*: Thời gian để có lưã hái chè bằng máy, tùy theo mùa vụ, vùng sinh thái, trung bình cứ sau 40 ngày - 45 ngày có một lưã hái.

+ Vụ xuân (lưã hái chè đầu tiên trong năm) áp dụng kỹ thuật hái bằng tay, hái một tôm 2-3 lá hoặc 3-4 lá chừa, chừa cách vết đốn phớt hàng năm 7-10cm. Các lưã sau mới sử dụng máy để hái.

+ Thời điểm hái: khi trên tán chè có hơn 90% số búp đủ tiêu chuẩn hái.

+ Yêu cầu kỹ thuật hái máy: duy trì chừa 2 lá thật, vụ thu (tháng 8 - tháng 9) có thể chừa 1 lá, từ tháng 10 hái sát lá cá.

Chú ý: Đặc biệt tránh việc sử dụng máy hái chè không đúng kỹ thuật cắt búp chè quá sâu làm ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển của cây chè và các lưã hái trong năm.

b) Bảo quản chè

Búp chè hái xong phải để nơi râm mát, không nén chặt, không để héo, không làm dập nát búp chè. Nếu chưa chế biến ngay phải rải mỏng từ 25 - 30 cm, cứ 45 phút đến 60 phút phải đảo chè và rũ toi 1 lượt. Thời gian từ khi hái xong đến khi đưa đi chế biến không quá 10 giờ.

Trên đây là hướng dẫn về kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch chè. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu gì có vướng mắc, đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan phản ảnh về Sở Nông nghiệp và PTNT để xem xét điều chỉnh cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; (B/c)
- Giám đốc Sở; (B/c)
- Các PGĐ Sở;
- UBND các huyện, thành phố;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Chi cục TT&BVTV;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Phòng NN và PTNT các huyện;
- Phòng Kinh tế thành phố;
- Các Cty chè trên địa bàn tỉnh;
- Phòng KHTC Sở ;
- Lưu VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đại Thành